TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 25-5-2026.
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Cầm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Thanh Tuyền và bà Đặng Hoàng Ái Thụy

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 -Huế, thành phố Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế tham gia phiên tòa*:** Ông Tô Hữu Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 260/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh ngày 10/10/1993; Căn cước công dân số: 046193008912, cấp ngày 11/8/2021; địa chỉ: Thôn B, xã C - L, thành phố H; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Minh D, sinh năm 1990; Căn cước công dân số: 046090013710, cấp ngày 27/8/2021; địa chỉ: Thôn B, xã C - L, thành phố H; vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2025 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Đỗ Minh D có quen biết, tìm hiểu nhau được một thời gian thì được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã C - L, thành phố H) vào ngày 24/01/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được hơn một thời gian thì đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do tính cách không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm sống, anh D vô tâm với vợ và có quan hệ tình cảm với người khác. Do đó, từ tháng 11 năm 2021 cho đến nay, chị H và anh D sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, cuộc sống của ai tự người

đó lo liệu. Gia đình hai bên đã khuyên can hòa giải nhưng giữa chị H và anh D vẫn không thể hàn gắn được tình cảm. Tháng 2/2025, chị H đã nộp đơn ly hôn và được Tòa án hòa giải để vợ chồng đoạn tụ nhưng sau đó mâu thuẫn vợ chồng vẫn không giải quyết được. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Minh D.

- Về con chung: Có một người con chung là Đỗ Trần Ngọc B, sinh ngày 24/4/2016. Từ khi ly thân cho đến nay, người con chung do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung cho đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh Đỗ Minh D phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn.

Qua xác minh, Ủy ban nhân dân xã C – L, thành phố H cho biết: Chị Trần Thị H và anh Đỗ Minh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã C - L, thành phố H) vào ngày 24/01/2014. Quá trình chung sống, chị H có 01 người con chung là cháu Đỗ Trần Ngọc B, sinh ngày 24/4/2016. Hiện nay, cháu B đang sống với chị H tại thôn B, xã C - L, thành phố H, còn anh Đỗ Minh D đi làm ăn, thỉnh thoảng có trở về nhà thăm gia đình. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến việc chị H yêu cầu ly hôn với anh D thì chính quyền địa phương không rõ, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật, ảnh hưởng tiến độ giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự, tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân

sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]Về nội dung, xét thấy:

[2.1]Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Đỗ Minh D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã C - L, thành phố H) vào ngày 24/01/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D là hợp pháp.

Xét quá trình hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Đỗ Minh D đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau nên từ tháng 11 năm 2021 cho đến nay, chị H và anh D đã sống ly thân. Hai bên gia đình đã khuyên can, hòa giải nhưng chị H và anh D vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Sau khi Toà án thụ lý vụ án, mặc dù anh D đã biết việc chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh D không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án để tham gia hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H.

[2.2]Về con chung: Hiện người con chung là Đỗ Trần Ngọc B, sinh ngày 24/4/2016 đang sống với chị H, do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Để đảm bảo ổn định cuộc sống của người con chung, cần giao cho chị Trần Thị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[2.3]Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã giải thích nhưng chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần Thị H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Đỗ Minh D.

1.2. Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao người con chung là Đỗ Trần Ngọc B, sinh ngày 24/4/2016 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng cho đến khi người con chung đủ 18 tuổi. Anh Đỗ Minh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đỗ Minh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001430 ngày 23/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP Huế;
- VKSND khu vực 4-Huế;
- Phòng THADS khu vực 4-Huế;
- Các đương sự;
- UBND xã Chân Mây - Lăng Cô, TP Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Xuân Cầm